

Số: /QĐ-QLTTTH

Thanh Hoá, ngày tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hoá

#### CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH THANH HOÁ

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông báo số 136/TB-TCQLTT ngày 28/6/2024 của Tổng cục Quản lý thị trường xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hoá;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa, chi tiết tại phụ lục kèm theo;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp, Trưởng phòng Thanh tra Pháp chế, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường trực thuộc, các đơn vị, cá nhân có liên quan của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hoá tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Tổng cục QLTT;
- Lãnh đạo Cục;
- Cổng thông tin điện tử Cục;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Đình Khánh Toàn**

## QUYẾT TOÁN NGUỒN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QLTTTH ngày tháng 8 năm 2024  
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hoá)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã khoản	Tổng số		
			Số báo cáo	Số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	340-341	<b>32.327.994.127</b>	<b>32.327.994.127</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	340-341	<b>32.327.994.127</b>	<b>32.327.994.127</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	340-341	<b>29.074.000.106</b>	<b>29.074.000.106</b>	
	Trong đó:				
	- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương	340-341	20.395.386.787	20.395.386.787	
	- Chi lao động hợp đồng theo ND 111/ND-CP	340-341	1.391.439.676	1.391.439.676	
	- Chi quản lý hành chính	340-341	4.436.222.835	4.436.222.835	
	- Kinh phí tiết kiệm trong năm (khen thưởng, phúc lợi tập thể ...)	340-341	1.221.462.571	1.221.462.571	
	- Chi thu nhập tăng thêm	340-341	1.629.488.237	1.629.488.237	
1.2	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	340-341	<b>3.253.994.021</b>	<b>3.253.994.021</b>	
	Trong đó:				
	- Chi mua sắm thiết bị chuyên dùng	340-341	1.388.000.000	1.388.000.000	
	- Chi thuê trụ sở cho các tổ công tác	340-341	599.700.000	599.700.000	
	- Chi phí xử phạt VPHC, kinh phí hỗ trợ CBL, gian lận thương mại, hàng giả.	340-341	1.266.294.021	1.266.294.021	